

Số: /KH-STTTT

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Định
giai đoạn 2021- 2025

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND tỉnh Bình Định Về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Căn cứ “Sổ tay hướng dẫn các bộ chỉ số, nhóm chỉ số, chỉ số thành phần đánh giá, xếp hạng trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông của các tổ chức quốc tế” do Bộ TTTT ban hành năm 2019;

- Căn cứ hiện trạng phát triển hạ tầng viễn thông trong giai đoạn đến của tỉnh Bình Định; Công văn số 4033/CVT-HTKH ngày 23/9/2020 của Cục Viễn thông về việc xây dựng kế hoạch phát triển viễn thông của địa phương và Công văn số 4716/CVT-HTKH ngày 27/10/2020 của Cục Viễn thông về việc đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025;

Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Mục đích

- Phát triển mới và cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông, đặc biệt là mạng truy cập Internet băng rộng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo chất lượng và vùng phủ dịch vụ trên phạm vi toàn tỉnh.

- Phát triển mới và cải tạo hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng cường chia sẻ, sử dụng chung nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo mỹ quan đô thị.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở hiện trạng hạ tầng mạng viễn thông của tỉnh, các mục tiêu phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Tính đến 10/2020	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2022	Mục tiêu giai đoạn 2023 - 2024	Mục tiêu giai đoạn 2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G (%)	90%	95%	98%	100%	Tính theo vùng phủ sóng dân cư sinh sống
2	Tốc độ tải dữ liệu 4G (Mb/s)	30 Mb/s	40 Mb/s	50 Mb/s	60 Mb/s	Tốc độ tải xuống trung bình
3	Tỷ lệ người sử dụng dịch vụ di động có điện thoại di động thông minh (%)	69,5%	80%	85%	100%	Tính theo số thuê bao di động có phát sinh lưu lượng data
4	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân (%)	64,2%	70%	75%	80%	Tính theo số thuê bao di động có phát sinh lưu lượng data
5	Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện trên địa bàn tỉnh (%)	100%	100%	100%	100%	
6	Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân (%)	13%	15%	20%	26%	
7	Tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang (%)	44,6%	50%	70%	80%	
8	Tỷ lệ xã có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang (%)	99,3%	100%	100%	100%	
9	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định	100%	100%	100%	100%	- Tốc độ tải xuống trung bình; - Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
		có kết nối từ: 70 Mb/s - 160 Mb/s	có kết nối từ: 90 Mb/s - 180 Mb/s	có kết nối từ: 120 Mb/s - 200 Mb/s	có kết nối: 200 Mb/s	
10.	Tỷ lệ trường học có kết nối băng rộng cố định	100%	100%	100%	100%	- Tốc độ tải xuống trung bình; - Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
		có kết nối từ: 32 Mb/s – 70 Mb/s	có kết nối từ: 50 Mb/s - 80 Mb/s	có kết nối từ: 70 Mb/s – 100 Mb/s	có kết nối: 100 Mb/s	
11.	Tỷ lệ bệnh viện có kết nối băng rộng cố định	100%	100%	100%	100%	- Tốc độ tải xuống trung bình; - Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
		có kết nối từ: 30 Mb/s - 200 Mb/s	có kết nối từ: 70 Mb/s - 200 Mb/s	có kết nối từ: 120 Mb/s - 200 Mb/s	có kết nối: 200 Mb/s	
12.	Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có kết nối băng rộng cố định	100%	100%	100%	100%	- Tốc độ tải xuống trung bình; - Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
		có kết nối từ: 30 Mb/s - 200 Mb/s	có kết nối từ: 70 Mb/s - 200 Mb/s	có kết nối từ: 120 Mb/s - 200 Mb/s	có kết nối: 200 Mb/s	

Ghi chú:	Số liệu tính đến 10/2020
Số thuê bao di động	1.372.431
Số thuê bao băng rộng di động	954.425
Dân số:	1.487.059
Số hộ:	434.379
Số thuê bao FTTH:	193.560
Số thuê bao internet:	196.099

2. Yêu cầu

- Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng các giải pháp phát triển mạng băng rộng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong việc triển khai xây dựng phát triển mạng băng rộng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hạ tầng băng rộng cố định

Các doanh nghiệp viễn thông có liên quan (bao gồm: Viettel Bình Định, VNPT Bình Định, FPT Telecom, Mobifone) đẩy nhanh tiến độ triển khai và ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng tại các xã miền núi, xã đảo và xã trung du theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5673/UBND-VX ngày 21/8/2020 v/v ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông khu vực miền núi, xã đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng băng rộng hiện có đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ chất lượng tốt, tốc độ cao và ổn định.

2. Cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động

- Ưu tiên phát triển mới cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động, với các loại cột, trụ thân thiện môi trường, nguy trang, không cồng kềnh trong đô thị.

- Tiếp tục triển khai việc cải tạo và sử dụng chung các cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động hiện có.

- Phát triển mới hệ thống thông tin liên lạc, băng rộng cố định và di động ổn định, hiệu quả tại các khu vực sau:

a) Danh mục xã cần phát triển trạm BTS và các dịch vụ băng rộng:

Stt	Huyện/ TP	Xã cần phát triển trạm BTS và các dịch vụ băng rộng
1	An Lão	An Dũng, An Hưng, An Nghĩa, An Quang, An Tân, An Toàn, An Trung, An Vinh
2	Hoài Ân	Ân Hữu, Ân Phong, Ân Sơn, Ân Tín, Ân Tường Đông, Bok Tới, Dak Mang
3	Vân Canh	Canh Hiệp, Canh Hòa, Canh Liên, Canh Thuận
4	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Hào, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa, Vĩnh Kim, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận
5	Quy Nhơn	Nhon Châu
6	Tây Sơn	Bình Tân (Thôn M6)

b) Danh mục thôn, bản cần phát triển dịch vụ băng rộng cố định:

Nội dung	Số thôn, bản chưa được kết nối Internet	Tên thôn, bản
Tổng số toàn tỉnh	2	
An Lão	1	
An Nghĩa	1	Thôn 3
Vân Canh	1	
Canh hiệp	1	Canh giao

c) Danh mục thôn, bản cần phát triển dịch vụ di động:

Nội dung	Số thôn, bản chưa được phủ sóng điện thoại di động	Tên thôn, bản
Tổng số toàn tỉnh	3	
An Lão	2	
An Nghĩa	1	Thôn 3;
An Toàn	1	Thôn 1
Vân Canh	1	
Canh Hiệp	1	Canh Giao

3. Mạng cáp ngoại vi

Tiếp tục công tác tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và phối hợp với Công ty Điện lực Bình Định triển khai công tác chỉnh trang, thanh thải, sắp xếp, bó gọn, hạ ngầm cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh hiệu quả, an toàn và đảm bảo mỹ quan đô thị và nghiệm thu, kiểm tra việc triển khai.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Buu chính - Viễn thông và Công nghệ Thông tin

Trực tiếp tham mưu giúp Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện những công tác cụ thể như sau:

- Chủ trì việc tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy tối đa việc kết nối và thực hiện chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông.

- Phối hợp với sở, ban, ngành liên quan cấp nhật, thông báo và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trong việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giữa các ngành xây dựng, giao thông, điện lực.

- Tham mưu chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh đảm bảo các mục tiêu cụ thể đề ra trong Kế hoạch này.

- Tham mưu chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh cải tạo, xây dựng và phát triển mới hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng cường chia sẻ, sử dụng chung đảm bảo các mục tiêu cụ thể đề ra trong Kế hoạch này.

- Chủ trì việc đánh giá kết quả thực hiện của Kế hoạch, tham mưu điều chỉnh Kế hoạch (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hàng năm.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý; Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện việc chỉnh trang, ngầm hóa, phát triển mới mạng cáp, xây dựng và phát triển cột ăng ten thu phát sóng... trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch của ngành, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện, của tỉnh.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn của Sở trong quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn, đảm bảo mỹ quan đô thị, cảnh quan kiến trúc; Quản lý việc xây dựng ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Các doanh nghiệp viễn thông

- Căn cứ nội dung, chỉ tiêu của Kế hoạch này xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông của đơn vị hàng năm và từng giai đoạn. Báo cáo về Sở **trước ngày 30/11 hàng năm.**

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng vùng phủ dịch vụ rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh đảm bảo các mục tiêu cụ thể đã đề ra theo Kế hoạch này.

- Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Chấp hành các quy định, chỉ đạo điều hành của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư; niêm yết giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông. Trong trường hợp không thống nhất về giá thuê, các doanh nghiệp đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá theo quy định của Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

- Phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng, đàm phán cùng đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế kỹ thuật khác.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các số liệu liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (đề b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (đề b/c);
- Sở Xây dựng (đề p/h);
- Cục Viễn thông (đề p/h);
- UBND các huyện, TX, TP (đề p/h);
- Phòng VH-TT các huyện, TX, TP (đề t/h);
- Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội;
- Tập đoàn Bưu chính – Viễn thông Việt Nam;
- Tổng công ty viễn thông Mobifone;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh (đề t/h);
- Giám đốc Sở (đề b/c);
- Lưu: VT, P. BCVT&CNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Mừng